TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VT** **TỈNH VP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2024
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VP

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Triển;

Bà Lê Thị Hòa;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị An – Thư ký Toà án nhân dân huyện VT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VT, tỉnh VP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2024, về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:145/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn ĐĐ, xã CĐ, huyện VT, tỉnh VP, (vắng mặt);

Bị đơn: Chị Bùi Thu H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn ĐĐ, xã CĐ, huyện VT, tỉnh VP, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 6 năm 2024, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã CĐ vào ngày 18/05/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng anh đi làm và sinh sống tại huyện ĐA, thành phố HN. Năm 2019 vợ chồng anh chuyển về ở chung cùng gia đình anh tại thôn ĐĐ, xã CĐ. Vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống chị H không muốn chung sống cùng gia đình nhà chồng, hơn thế nữa chị H có những mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Đã nhiều lần anh tha thứ bỏ qua lỗi lầm cho chị H và cả hai

đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn để hiểu nhau, cứu vãn cuộc hôn nhân này nhưng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, gay gắt, trầm trọng hơn. Đầu năm 2022, chị H vẫn tiếp tục nhắn tin với người đàn ông khác anh phát hiện nên cả hai đã xảy ra cãi nhau, chị H bỏ nhà đi. Anh và chị H đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Thỉnh thoảng, chị H cho con về nhà chơi, khi anh hỏi về nơi ở của hai mẹ con hiện nay thì chị H giấu địa chỉ không cho anh được biết, cả hai vẫn thường xuyên liên lạc, trò chuyện với nhau. Gia đình hai bên không dàn xếp cho vợ chồng hòa giải vì cả hai đã trưởng thành nên để vợ chồng tự quyết định mối quan hệ hôn nhân của mình. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, anh đã thông báo toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung cho chị H được biết qua số điện thoại chị H đang sử dụng "0983.891.931" để về làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, nhưng chị H cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ nơi chị đang sinh sống và cũng không đến Tòa án giải quyết mặc dù chị H đã có ý kiến đồng ý ly hôn đối với anh. Nhận thấy bản thân không còn tình cảm với chị H, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tiếng nói chung nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung cháu Nguyễn Phương O, sinh ngày 07/6/2018 và cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 24/02/2020. Hiện nay, cháu O đang ở cùng anh, cháu L đang ở cùng chị H. Ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu O và giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức: Anh không đề nghị Toà án giải quyết;

Bị đơn chị Bùi Thu H vắng mặt tại phiên toà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như anh T trình bày là đúng, còn nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng như anh T trình bày là không đúng, nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chung kinh tế, giữa vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, anh T không quan tâm gì đến mẹ con chị, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đến năm 2022 vợ chồng chị sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở, thỉnh thoảng chị lại đưa con về ở cùng gia đình anh T mấy ngày, anh T trình bày chị dấu địa chỉ là không đúng. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, chị có nhận được thông báo của Tòa án báo goi chị về giải quyết vụ án, anh T báo gọi cho chị qua điện thoại nhưng do bận công việc nên chị không về Tòa án giải quyết vụ án được. Nay anh T xin ly hôn chị, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, suộc sống không có hạnh phúc chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung cháu Nguyễn Phương O, sinh ngày 07/6/2018 và cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 24/02/2020. Hiện nay, cháu O đang ở cùng anh T, cháu L đang ở cùng chị. Ly hôn chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu O và chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Chị không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức: chị không đề nghị Toà án giải quyết;

Biên bản xác minh ngày 15/8/2024 tại UBND xã CĐ thể hiện: Anh Nguyễn Quang T và chị Bùi Thu H đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại UBND xã CĐ và UBND xã CĐ đã thực hiện đăng ký kết hôn cho anh T và chị H ngày 18/5/2016, trên cơ sơ hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị H cụ thể như thế nào địa phương không rõ vì địa phương không nhận được báo cáo và anh T không nộp đơn xin ly hôn qua địa phương. Anh T và chị H sống ly thân từ thời điểm nào địa phương không rõ. Anh T yêu cầu xin ly hôn với chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: Theo địa phương được biết trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị H đã thực hiện đăng ký khai sinh cho 02 con chung là Nguyễn Phương O, sinh ngày 07/6/2018 và cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 24/02/2020. Anh T và chị H làm gì, thu nhập bình quân cụ thể bao nhiêu địa phương không xác định được nay anh T yêu cầu giải quyết con chung của anh T, chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công sức: Vợ chồng anh T có tài sản chung, tài sản riêng, nợ ai, cho ai vay địa phương không rõ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT trình phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện VT không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Quang T. Xử cho anh T được ly hôn chị Bùi Thu H.

Xử về nuôi con chung: giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương O, sinh ngày 07/6/2018; giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 24/02/2020 đến khi thành niên, anh T và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về áp phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Quang T khởi kiện xin ly hôn chị Bùi Thu H, anh T có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn chị H. Bị đơn chị H có nơi cư trú thôn ĐĐ, xã CĐ, huyện VT, tỉnh VP nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh VP theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh T, bị đơn chị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Quang T với chị Bùi Thu H là hôn nhân hợp pháp, được UBND xã CĐ, huyện VT đăng ký kết hôn ngày 18/5/2016. Theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống chị H không muốn chung sống cùng gia đình nhà chồng, hơn thế nữa chị H có những mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Đã nhiều lần anh T tha thứ bỏ qua lỗi lầm cho chị H và cả hai đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn để hiểu nhau, cứu vãn cuộc hôn nhân nhưng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, gay gắt, trầm trọng hơn. Đầu năm 2022, chị H vẫn tiếp tục nhắn tin với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau và chị H bỏ nhà đi. Theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chung kinh tế, giữa vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, anh T không quan tâm gì đến mẹ con chị. Anh T và chị H đều xác nhận đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay và đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Anh T và chị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương O, sinh ngày 07/6/2018 và cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 24/02/2020. Hiện nay, cháu O đang ở cùng anh T, cháu L đang ở cùng chị H. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu O và đề nghị giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, chị H đồng ý. Xét thấy anh T và chị H đều trong độ tuổi lao động, đều có việc làm. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi cho cháu O và cháu L, giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu O, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu L là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Anh T, chị H đều không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh T, chị H không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử: Cho anh Nguyễn Quang T được ly hôn chị Bùi Thu H.

2/ Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Quang T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương O, sinh ngày 07/6/2018; giao cho chị Bùi Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 24/02/2020. Hiện nay, cháu O đang ở cùng anh T, cháu L đang ở cùng chị H. Anh T và chị H đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh T, chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Quang T phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004984 ngày 02/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự VT. Anh T đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện VT;
- Chi cụcTHADS huyện VT;
- Các đương sự;
- UBND xã CĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Huyền